



Phiếu An Toàn Hóa Chất - MSDS

PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Regal[®] R&O

Loại sản phẩm: Dầu tuốc-bin

Tên sản phẩm cùng dòng: Regal[®] R&O 32 ; Regal[®] R&O 46 ; Regal[®] R&O 68 ; Regal[®] R&O 100

Mã sản phẩm: 520010 ; 520011 ; 520012 ; 520013

Tên và địa chỉ công ty:

Công ty TNHH Dầu Nhờn Chevron Việt Nam
Lô F4, Khu Công Nghiệp Đình Vũ, An Hải
Hải Phòng
Việt Nam

Phản hồi thông tin trong các trường hợp khẩn cấp liên quan đến vận chuyển và sức khỏe:

Các Trung tâm thông tin khẩn cấp Chevron: đặt tại Hoa Kỳ

Tiếp nhận các cuộc gọi quốc tế 24/24 giờ theo số: (800) 231-0623 hoặc (510) 231-0623

Liên hệ để có thông tin về sản phẩm và MSDS:

email : CLVLTech@chevron.com ĐT: 04-7332545

PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

| THÀNH PHẦN | SỐ ĐĂNG KÝ CAS | LƯỢNG |
|-------------------------------------|----------------|-----------------------|
| Dầu gốc khoáng tinh lọc (C15 - C50) | Hỗn hợp | 90 - 100 % khối lượng |

PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ CÁC ĐẶC TÍNH NGUY HẠI

CÁC ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN SỨC KHỎE

Mắt: Không thấy có sự gây kích ứng đáng kể hoặc kéo dài nào cho mắt.

Da: Khi sản phẩm tiếp xúc với da không thấy có sự gây kích ứng đáng kể hoặc kéo dài nào và không thấy gây dị ứng da. Không thấy có sự nguy hại nào cho các cơ quan nội tạng khi sản phẩm bị hấp thụ qua da. Thông tin liên quan đến thiết bị áp suất cao: sự cố phun bắn dầu vào da với vận tốc cao có thể gây thương tích nghiêm trọng. Cần khám chữa ngay nếu sự cố như thế xảy ra. Ban đầu ngay sau khi xảy ra vết thương có vẻ không nghiêm trọng nhưng nếu không được chữa trị có thể dẫn đến sự biến dạng hoặc thậm chí phải cắt bỏ bộ phận bị thương tích.

Tiêu hóa: Không thấy có sự nguy hại nào khi nuốt phải sản phẩm.

Hô hấp: Không thấy có sự nguy hại nào khi hít phải sản phẩm. Sản phẩm có chứa dầu khoáng gốc dầu mỏ. Có thể gây kích thích đường hô hấp hoặc các tác động khác đến phổi nếu hít thở không khí chứa bụi sản phẩm trên mức cho phép trong thời gian liên tục hoặc kéo dài. Các triệu chứng có thể bao gồm ho hoặc khó thở.

PHẦN 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Mắt: Không yêu cầu các biện pháp sơ cứu riêng biệt. Để phòng ngừa, trong trường hợp bị nhiễm sản phẩm cần tháo kính áp tròng nếu có và rửa mắt bằng nước.

Da: Không yêu cầu các biện pháp sơ cứu riêng biệt. Để phòng ngừa, cần thay áo và giày bị nhiễm sản phẩm. Loại bỏ hoặc giặt kỹ trước khi dùng lại. Rửa sạch vùng da nhiễm bằng nước và xà phòng.

Tiêu hóa: Không yêu cầu các biện pháp sơ cứu riêng biệt. Không ép gây nôn khi nuốt phải sản phẩm. Để phòng ngừa, cần có tư vấn của bác sĩ.

Hô hấp: Không yêu cầu các biện pháp sơ cứu riêng biệt. Nếu hít thở phải không khí có nồng độ sản phẩm quá mức, thì cần phải di chuyển sang nơi có không khí trong lành. Cần khám bác sĩ nếu có triệu chứng ho và khó thở

Thông tin cho bác sĩ: trong trường hợp liên quan đến sự cố của thiết bị có áp suất cao, sản phẩm này có thể bị phun bắn vào da và có thể gây ra vết thương hở nhỏ, đôi khi không chảy máu. Với áp suất lớn, sản phẩm phun bắn vào đầu ngón tay có thể xâm nhập vào lòng bàn tay. Trong vòng 24 giờ thường là gây sưng tấy, da biến màu và đau nhói. Cần được chữa trị tại các phòng phẫu thuật cấp cứu.

PHẦN 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Sản phẩm bị rò rỉ hoặc thoát ra từ các hệ thống có áp suất cao có thể gây ra hỏa hoạn nếu ở gần nguồn phát lửa (như bếp lửa, đèn, tia lửa điện)

CÁC ĐẶC TÍNH CHÁY:

Điểm chớp cháy (Cốc hở Cleveland): 200°C (392°F) (tối thiểu)

Nhiệt độ tự bốc cháy: không có thông tin

Nồng độ tới hạn cháy / nổ (% thể tích trong không khí): Giới hạn trên: không áp dụng ; Giới hạn dưới: không áp dụng

CHẤT DẬP LỬA: Dùng bình phun nước, bột, hóa chất khô hoặc carbon dioxide (CO₂) để dập lửa.

BẢO VỆ NGƯỜI CỨU HỎA:

Hướng dẫn cứu hỏa: sản phẩm sẽ cháy mặc dù không dễ bén lửa. Trong trường hợp hỏa hoạn liên quan đến sản phẩm thì không được đi vào vùng đóng kín hoặc bị lửa vây mà không có các thiết bị bảo vệ phù hợp trong đó có thiết bị cung cấp khí thở.

Thành phần chất cháy: Phụ thuộc nhiều vào điều kiện cháy. Là hỗn hợp chất rắn, chất lỏng lơ lửng trong không khí và các chất khí như carbon monoxide, carbon dioxide và hợp chất hữu cơ không xác định được hình thành khi sản phẩm cháy.

PHẦN 6: CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU SỰ CỐ

Phòng ngừa: loại trừ tất cả nguồn gây lửa trong vùng cận kề nơi sản phẩm loang nhiễm.

Khắc phục loang nhiễm: cần loại trừ nguồn rò rỉ, nếu thấy an toàn khi thực hiện. Ngăn chặn sự chảy loang để hạn chế sự nhiễm bẩn đất, mặt nước và nước ngầm. Dọn sạch vết loang nhiễm càng sớm càng tốt nhưng cần tuân thủ các hướng dẫn trong phần Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân. Sử dụng các biện pháp thích hợp như các vật liệu hấp thụ không cháy hoặc bơm hút sản phẩm loang. Loại bỏ phần đất bị nhiễm nếu thấy khả thi và thích hợp. Dùng các vật liệu bị nhiễm sản phẩm trong các thùng chứa dùng một lần và thải bỏ đúng cách theo các quy định sở tại hiện hành.

Báo cáo: Báo cáo sự cố cho cơ quan thẩm quyền theo quy định hoặc theo yêu cầu.

PHẦN 7: CÁC YÊU CẦU TRONG THAO TÁC VÀ LƯU KHO

Biện pháp phòng ngừa: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM CHO CÁC HỆ THỐNG ÁP SUẤT CAO ở gần nguồn lửa, tia lửa điện hoặc các bề mặt nóng. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Luôn đậy kín các thùng chứa.

Thông tin chung về thao tác: Tránh làm nhiễm đất hoặc thải sản phẩm vào cống rãnh, hệ thống thoát nước hoặc các nguồn nước.

Nguy cơ tích tĩnh điện: Tĩnh điện có thể được tích tụ và tạo ra trạng thái nguy hiểm khi thao tác sản phẩm. Để hạn chế nguy cơ, sự kết nối và tiếp đất là điều cần thiết nhưng có thể là chưa đủ. Cần phải xem xét tất cả các công đoạn thao tác có khả năng gây ra và tích tụ tĩnh điện hoặc hỗn hợp khí dễ cháy (như công đoạn cấp sản phẩm vào thùng chứa mà sản phẩm bị văng té, công đoạn làm sạch thùng chứa, lấy mẫu, cân đo, sang chuyển, khuấy trộn và vận chuyển bằng bơm hút) và áp dụng những biện pháp thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.

Cảnh báo trên bao bì và thùng chứa: bao bì và thùng chứa không được thiết kế để chịu áp suất. Không dùng áp suất để tháo sản phẩm từ thùng chứa vì có thể bị bung vỡ tạo xung lực. Các thùng rỗng còn lưu sản phẩm thừa (chất rắn, lỏng và/hoặc khí) có thể gây nguy hiểm. Không tạo áp suất, cắt, hàn, khoan mài hoặc để thùng chứa tiếp xúc với nguồn nhiệt, lửa, tia lửa điện, tĩnh điện hoặc các nguồn gây cháy khác. Thùng chứa có thể nổ gây thương tích hoặc tử vong. Thùng rỗng cần tháo bỏ hết hoàn toàn sản phẩm, làm kín và chuyển ngay về nơi tái chế hoặc thải bỏ đúng cách.

PHẦN 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

LƯU Ý CHUNG:

Lưu ý đặc biệt: Không dùng sản phẩm cho các thiết bị cung cấp dưỡng khí hoặc y tế

Cần xem xét các tính nguy hiểm tiềm tàng của sản phẩm (PHẦN 3), các quy định hiện hành về phơi nhiễm với sản phẩm, các hoạt động của công việc và các yếu tố khác tại nơi làm việc để lựa chọn các giải pháp kiểm soát kỹ thuật và các dụng cụ bảo vệ cá nhân. Khi các biện pháp kỹ thuật hoặc quy trình làm việc không đủ để tránh mức phơi nhiễm có hại thì các thiết bị bảo vệ cá nhân dưới đây được khuyến nghị sử dụng. Người sử dụng cần đọc và hiểu mọi hướng dẫn về sử dụng và giới hạn được cấp kèm theo với thiết bị vì sự bảo vệ chỉ hiệu quả trong khoảng thời gian và môi trường có giới hạn nhất định.

CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:

Sử dụng sản phẩm ở khu vực được thông gió tốt.

DỤNG CỤ BẢO VỆ CÁ NHÂN:

Bảo vệ mắt/mặt: Bình thường không yêu cầu có sự bảo vệ đặc biệt. Ở nơi có thể xảy ra sự văng té sản phẩm, hãy dùng kính bảo hộ có vành bao quanh mắt.

Bảo vệ da: Bình thường không yêu cầu có sự bảo vệ đặc biệt. Ở nơi có thể xảy ra sự văng té sản phẩm, cần lựa chọn loại quần áo bảo hộ phù hợp với điều kiện vận hành, yêu cầu an toàn và các yếu tố khác tại nơi làm việc. Các chất liệu của găng tay bảo hộ có thể là: 4H (PE/EVAL), cao su Nitrile, Silver Shield, Viton.

Bảo vệ hô hấp: Bình thường không yêu cầu có sự bảo vệ hô hấp. Nếu điều kiện vận hành có thể tạo sương bụi dầu, cần kiểm tra nồng độ sương bụi dầu khoáng trong không khí. Nếu nồng độ vượt mức cho phép, cần sử dụng loại khẩu trang, mặt nạ quy định để đảm bảo sự bảo vệ đầy đủ tương ứng với nồng độ bụi dầu đo được. Nếu dùng mặt nạ có bộ lọc khí thì chọn loại có bộ lọc dạng hạt.

Hãy dùng loại mặt nạ có bộ cấp khí bằng áp suất trong những trường hợp mặt nạ lọc khí bình thường không bảo đảm sự bảo vệ cần thiết

Giới hạn nồng độ bụi dầu ở nơi làm việc:

| Thành phần | Nước/ Cơ quan | TWE - Phơi nhiễm trung bình 8 giờ/ngày | STEL - Phơi nhiễm ngắn hạn | Mức trần | Ghi chú |
|-------------------------------------|---------------|--|----------------------------|----------|---------|
| Dầu gốc khoáng tinh lọc (C15 - C50) | ACGIH | 5 mg/m ³ | 10 mg/m ³ | -- | -- |

Cần tham vấn các quy định hiện hành của nước sở tại.

PHẦN 9: CÁC ĐẶC TÍNH LÝ HÓA

Chú ý: các dữ liệu dưới đây là những trị số tiêu biểu và không cấu thành quy chuẩn.

Màu sắc: Phổ màu nằm trong khoảng từ không màu đến màu vàng

Trạng thái vật lý: Chất lỏng

Mùi: Mùi dầu mỏ

pH: không áp dụng

Áp suất bay hơi: < 0,01 mmHg ở 37,8°C (100°F)

Mật độ hơi (không khí = 1): > 1

Điểm sôi: > 315°C (599°F)

Đặc tính tan: Hòa tan trong các chất hydrocarbon; không hòa tan trong nước

Điểm đông đặc: Không áp dụng

Độ nhớt: 29,1 mm²/s ở 40°C (104°F) (Tối thiểu)

PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Độ ổn định hóa học: Sản phẩm được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp suất của môi trường thao tác và bảo quản bình thường được kiểm soát.

Độ không tương thích với các chất khác: Sản phẩm có thể phản ứng với các a-xit mạnh hoặc các chất ô xy hóa mạnh như chlorates, nitrates, peroxides v.v.

Chất phân hủy nguy hiểm: không thấy (không có nguy cơ)

Phản ứng polyme hóa nguy hiểm: Hiện tượng polyme hóa không xảy ra.

PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC HẠI

Kích ứng mắt: Nguy cơ gây kích ứng mắt dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

Kích ứng da: Nguy cơ gây kích ứng da dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

Mẫn cảm da: không có dữ liệu về mức độ hại.

Độc hại da cấp tính: Nguy cơ gây độc hại da cấp tính dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

Độc hại đường miệng cấp tính: Nguy cơ gây độc hại đường miệng cấp tính dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

Độc hại đường hô hấp cấp tính: Nguy cơ gây độc hại đường hô hấp cấp tính dựa trên sự đánh giá các dữ liệu của các chất hoặc thành phần sản phẩm tương tự.

CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này chứa dầu gốc dầu mỏ được tinh lọc bằng nhiều công đoạn bao gồm công đoạn chiết tinh bằng dung môi, hydrocracking tinh và xử lý tinh bằng hydro. Những loại dầu này không có loại nào cần có sự cảnh báo ung thư theo Tiêu chuẩn Thông tin Nguy cơ OSHA (29 CFP 1910.1200). Các loại dầu này không nằm trong danh sách của Báo cáo thường niên của Chương trình Quốc gia về Độc hại (NTP) và cũng không được phân loại theo Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) như là những chất gây ung thư cho người (Nhóm 1), hoặc có nguy cơ cao gây ung thư

cho người (Nhóm 2A), hoặc có thể gây ung thư cho người (Nhóm 2B). Theo sự phân loại của Hội nghị các Chuyên viên Vệ sinh Công nghiệp Chính phủ Hoa Kỳ (ACGIH), các loại dầu này không thuộc các chất được khẳng định là gây ung thư cho người (A1), hoặc bị nghi ngờ là gây ung thư cho người (A2), hoặc được khẳng định là gây ung thư cho động vật nhưng chưa rõ nguy cơ với người.

PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

MỨC ĐỘC HẠI SINH THÁI

Mức độc hại của sản phẩm đối với các sinh vật nước chưa được đánh giá. Vì vậy không để sản phẩm nhiễm vào hệ thống cống rãnh thoát nước và các nguồn nước.

PHÂN HỦY TRONG MÔI TRƯỜNG

Sản phẩm không được kỳ vọng là chất có thể phân hủy sinh học nhanh.

PHẦN 13: NHỮNG LƯU Ý KHI THẢI BỎ

Hãy sử dụng sản phẩm đúng mục đích và tái sử dụng nếu có thể. Sử dụng dịch vụ thu gom dầu nhớt thải để tái chế hoặc thải bỏ nhớt. Hãy đựng các vật liệu thải nhiễm nhớt trong thùng chứa và thải bỏ theo các quy định hiện hành. Hãy liên lạc với các đại diện bán hàng, hoặc các cơ quan về sức khỏe hoặc môi trường để có các hướng dẫn về thải bỏ hoặc tái chế.

PHẦN 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Những mô tả vận chuyển được nêu có thể không áp dụng cho tất cả các trường hợp vận chuyển. Cần tham khảo quy định 49CFR hoặc các Quy định về Hàng hóa nguy hiểm thích hợp để biết các yêu cầu bổ sung về mô tả vận chuyển (như tên kỹ thuật) và các yêu cầu vận chuyển riêng biệt về phương thức hoặc khối lượng.

Mô tả vận chuyển DOT: DẦU BÔI TRƠN GỐC DẦU MỎ, KHÔNG QUY ĐỊNH NHƯ LÀ CHẤT NGUY HẠI CHO VẬN CHUYỂN THEO 49 CFR

Thông tin bổ sung: KHÔNG NGUY HẠI THEO QUY ĐỊNH BỞI DOT HOA KỲ. PHÂN LOẠI NGUY HIỂM ADR/RID KHÔNG ÁP DỤNG.

Mô tả vận chuyển IMO/IMDG: DẦU BÔI TRƠN GỐC DẦU MỎ, KHÔNG QUY ĐỊNH NHƯ LÀ CHẤT NGUY HIỂM CHO VẬN CHUYỂN THEO IMDG

Mô tả vận chuyển ICAO/IATA: DẦU BÔI TRƠN GỐC DẦU MỎ, KHÔNG QUY ĐỊNH NHƯ LÀ CHẤT NGUY HIỂM CHO VẬN CHUYỂN THEO ICAO

PHẦN 15: THÔNG TIN VỀ CHẾ ĐỊNH

CÁC DANH SÁCH CHẾ ĐỊNH ĐƯỢC TÌM KIẾM

01-1=IARC Nhóm 1
01-2A=IARC Nhóm 2A
01-2B=IARC Nhóm 2B

Không có thành phần nào của sản phẩm nằm trong các danh sách chế định trên.

ĐĂNG KIỂM HÓA CHẤT:

Tất cả các thành phần của sản phẩm tuân thủ các yêu cầu về đăng kiểm hóa chất của: AICS (Australia), DSL (Ca-na-đa), EINECS (Liên minh Châu Âu), ENCS (Nhật Bản), IECSC (Trung Quốc), KECI (Hàn Quốc), PICCS (Phi-lip-pin), TSCA (Hoa Kỳ).

PHÂN LOẠI WHMIS:

Sản phẩm này không được xem là sản phẩm cần được kiểm soát theo tiêu chí của Quy định về Các Sản Phẩm Cần Kiểm Soát của Ca-na-đa

PHẦN 16: CÁC THÔNG TIN KHÁC

KHUYẾN NGHỊ NHÃN HIỆU:

Loại nhãn: DẦU NHỚT CÔNG NGHIỆP 1

CÔNG BỐ VỀ HIỆU CHỈNH: Số phần hiệu chỉnh lần này: 1

Ngày hiệu chỉnh: 22/8/2005

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT CÓ THỂ ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:

| | |
|---|---|
| TLV - Threshold Limit Value (Giá trị ngưỡng giới hạn) | TWA - Time Weighted Average - Giá trị bình quân gia quyền theo thời gian |
| STEL - Short-term Exposure Limit - Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn | PEL - Permissible Exposure Limit - Giới hạn phơi nhiễm cho phép |
| WHMIS - Workplace Hazardous Materials Information System - Hệ thống thông tin an toàn hóa chất tại nơi làm việc | CAS - Chemical Abstracts Service - Dịch vụ đăng ký hóa chất |
| ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists - Hội nghị các chuyên viên vệ sinh công nghiệp chính phủ Hoa Kỳ | IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code - Mã hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế |
| API - American Petroleum Institute - Viện dầu mỏ Hoa Kỳ | MSDS - Material Safety Data Sheet - Phiếu An Toàn Hóa Chất |
| CVX - Chevron | NFPA - National Fire Protection Association (USA) - Hiệp hội chống cháy quốc gia (Hoa Kỳ) |
| DOT - Department of Transportation (USA) – Bộ Giao Thông Vận Tải (Hoa Kỳ) | NTP - National Toxicology Program (USA) - Chương trình quốc gia về độc hại (Hoa Kỳ) |
| IARC - International Agency for Research on Cancer - Cơ quan nghiên cứu ung thư quốc tế | OSHA - Occupational Safety and Health Administration - Ủy Ban quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp |

Biên soạn theo Tiêu chuẩn quốc tế (ISO 11014-1) bởi Chevron Energy Technology Company, 100 Chevron Way, Richmond, California 94802.

Những thông tin trong tài liệu này dựa trên những cơ sở dữ liệu mà chúng tôi nhận thức và tin tưởng là đúng cho đến thời điểm hiện tại. Do những thông tin này có thể sẽ được sử dụng trong những điều kiện không quen thuộc nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi và do sự phát triển của cơ sở dữ liệu về sau có thể dẫn đến sự thay đổi các thông tin nên chúng tôi không chịu bất cứ trách nhiệm nào liên quan đến hậu quả của việc sử dụng tài liệu này. Những thông tin này được cung cấp với điều kiện người nhận sẽ tự đánh giá mức độ phù hợp của tài liệu với mục đích sử dụng của người đó.